**BỘ TÀI CHÍNH**

**ĐỀ ÁN**

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030**

**(Bản tóm tắt)**

**Hà Nội - 7/2022**

**DANH MỤC VIẾT TẮT**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên viết tắt** | **Tên đầy đủ** |
| DNBH | Doanh nghiệp bảo hiểm |
| DNTBH | Doanh nghiệp tái bảo hiểm |
| DNMG | Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm |
| IAIS | Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế |
| TTBH | Thị trường bảo hiểm |
| VIDI | Viện phát triển bảo hiểm Việt Nam |

**Phần thứ nhất**

**SỰ CẦN THIẾT, PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG, VÀ MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2030**

**1. Sự cần thiết xây dựng Đề án**

Qua 10 năm triển khai, Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã cho thấy vai trò quan trọng trong định hướng và triển khai các giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, xây dựng thị trường bảo hiểm ngày càng chuyên nghiệp, an toàn, hiệu quả, đáp ứng nhu cầu tham gia bảo hiểm ngày càng đa dạng của người dân.

Dự báo 10 năm tiếp theo, bối cảnh kinh tế trong nước và thế giới tiếp tục có những diễn biến khó lường, thị trường bảo hiểm Việt Nam chịu ảnh hưởng của điều kiện khí hậu ngày càng cực đoan và xu thế dân số già.

Việc xây dựng Đề án Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030 (sau đây gọi là Đề án) là cần thiết, nhằm đưa ra các định hướng chiến lược và cụ thể hóa các mục tiêu, giải pháp thực hiện mục tiêu nhằm phát triển và quản lý thị trường bảo hiểm một cách chủ động, tích cực, phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế- xã hội giai đoạn 2021-2030, Chiến lược tài chính đến năm 2030 và các định hướng phát triển kinh tế- xã hội khác có liên quan trong thời kỳ mới.

**2. Phạm vi, đối tượng nghiên cứu của Đề án**

- Phạm vi nghiên cứu: Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển TTBH Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và xây dựng Chiến lược phát triển TTBH Việt Nam đến năm 2030.

- Đối tượng nghiên cứu: Đối tượng nghiên cứu của Đề án là thị trường bảo hiểm.

**Phần thứ hai**

**TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM VIỆT NAM VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC GIAI ĐOẠN 2011-2020**

**I. Tổng quan về thị trường bảo hiểm Việt Nam**

Từ năm 2011 cho đến năm 2020, đã có 67 văn bản do Quốc hội, Chính phủ và Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thực hiện trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, bao gồm 01 Luật, 18 Nghị định của Chính phủ, 07 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 41 Thông tư. Các văn bản quy phạm pháp luật trên đã điều chỉnh tương đối toàn diện các vấn đề pháp lý về hoạt động kinh doanh bảo hiểm, khá phù hợp với thực tiễn và tạo lập được hành lang pháp lý vững chắc, góp phần thúc đẩy thị trường bảo hiểm phát triển.

Sau khi thực hiện Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam, thị trường bảo hiểm đã hoàn thiện và lớn mạnh cả về quy mô, số lượng doanh nghiệp và chất lượng sản phẩm dịch vụ. Đến hết 2020, tổng số DNBH, DNMG tại thị trường là 71 doanh nghiệp và khoảng 2.884 sản phẩm bảo hiểm.

Thị trường bảo hiểm đã có sự đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội, như: góp phần thực hiện chính sách ổn định kinh tế vĩ mô, kiềm chế lạm phát, tăng tích lũy tiết kiệm cho nền kinh tế; góp phần bổ trợ cho các chính sách an sinh xã hội, tạo điều kiện cho người dân có thể tự thu xếp, bảo vệ về mặt tài chính, và được bảo hiểm chi trả bồi thường khi không may xảy ra tai nạn, ốm đau, mà không cần tới sự hỗ trợ tài chính từ ngân sách nhà nước; bảo vệ tài chính cho các nhà đầu tư, giúp cho các nhà đầu tư yên tâm sản xuất kinh doanh mà không cần sử dụng đến các giải pháp tín dụng và dự phòng tài chính khác; thúc đẩy hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế; góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ.

- Tổng tài sản: Năm 2020, tổng tài sản của thị trường bảo hiểm đạt 573.225 tỷ đồng, tăng 440% so với năm 2011. Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng tài sản giai đoạn 2011-2020 đạt 19%/năm.

- Tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế: Năm 2020, số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế của thị trường bảo hiểm đạt 468.563 tỷ đồng, tăng 462% so với năm 2011. Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế giai đoạn 2011-2020 đạt 20%/năm.

- Tổng dự phòng nghiệp vụ: Năm 2020, tổng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm đạt 364.793 tỷ đồng, tăng 490% so với năm 2011. Tốc độ tăng trưởng bình quân dự phòng nghiệp vụ giai đoạn 2011-2020 đạt 21%/năm.

- Tổng doanh thu phí bảo hiểm: Năm 2020, doanh thu phí bảo hiểm đạt 185.960 tỷ đồng, tăng 409% so với năm 2011. Tốc độ tăng trưởng bình quân doanh thu phí bảo hiểm giai đoạn 2011-2020 đạt 20%/năm.

- Tổng vốn chủ sở hữu: Năm 2020, vốn chủ sở hữu của cả thị trường bảo hiểm đạt 127.777 tỷ đồng, tăng 303% so với năm 2011. Tốc độ tăng trưởng bình quân vốn chủ sở hữu giai đoạn 2011-2020 đạt 16%/năm.

- Chi trả bồi thường bảo hiểm và quyền lợi bảo hiểm: Năm 2020, tổng số tiền bồi thường và trả tiền bảo hiểm cả thị trường đạt 48.768 tỷ đồng, tăng 205% so với năm 2011. Tốc độ tăng trưởng bình quân số tiền chi trả bồi thường và trả tiền bảo hiểm giai đoạn 2011-2020 đạt 15%/năm.

**II. Đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược phát triển TTBH Việt Nam giai đoạn 2011-2020**

**1. Kết quả các mục tiêu**

**1.1. Kết quả thực hiện các mục tiêu tổng quát**

***a) Mục tiêu*:** *Phát triển thị trường bảo hiểm phù hợp với định hướng phát triển nền kinh tế - xã hội và tài chính quốc gia trong từng thời kỳ; bảo đảm thực hiện các cam kết quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Tăng cường tính an toàn, bền vững và hiệu quả của thị trường và khả năng đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân; góp phần ổn định nền kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội. Tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kinh doanh bảo hiểm và từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển với các quốc gia trong khu vực.*

***b)Kết quả thực hiện:***

Trong giai đoạn 2011-2020, mặc dù còn có những khó khăn, thách thức nhất định, song TTBH vẫn tiếp tục duy trì mức độ tăng trưởng khá tích cực, các mục tiêu tổng quát của Chiến lược đã từng bước được thực hiện và bảo đảm yêu cầu đặt ra, cụ thể:

- Trong giai đoạn 2011-2020, số lượng doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm tăng gần 25%, từ 57 doanh nghiệp năm 2011 lên 71 doanh nghiệp năm 2020. Năng lực tài chính, hiệu quả hoạt động của các DNBH đều được nâng cao. Tổng tài sản, tổng các quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm nhằm sẵn sàng đáp ứng nghĩa vụ chi trả bồi thường cho khách hàng của các DNBH, tổng số tiền đầu tư trở lại nền kinh tế đều tăng bình quân khoảng 20%/năm. Sự phát triển cân bằng, đồng bộ thị trường bảo hiểm với các thị trường tài chính khác đã góp phần vào việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa theo Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 3 tháng 6 năm 2017 của Hội nghị lần thứ V Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII.

- Tính đến cuối năm 2020, đã có 14 hiệp định thương mại tự do liên quan đến lĩnh vực bảo hiểm đã đi vào thực thi, 01 Hiệp định có hiệu lực 1/1/2022, 02 hiệp định đang trong quá trình đàm phán, chuẩn bị ký kết. Các quy định pháp lý trong lĩnh vực bảo hiểm đều được sửa đổi, bổ sung kịp thời.

- Tính đến hết năm 2020, gần 16 triệu người có bảo hiểm nhân thọ, sức khỏe (11,9 triệu bảo hiểm nhân thọ, 4 triệu bảo hiểm phi nhân thọ); 12 triệu học sinh được bảo hiểm tai nạn (tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm gần 60%); trên 32 triệu lượt khách được bảo hiểm hàng không (tỷ lệ thâm nhập 100%); gần 4 triệu lượt khách được bảo hiểm tai nạn đường sắt (tỷ lệ thâm nhập 100%).

- Theo báo cáo tự đánh giá với Diễn đàn các nhà quản lý bảo hiểm Đông Nam Á (AIRM), Việt Nam đã tuân thủ hoàn toàn 13/26 các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm theo thông lệ quốc tế, từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển với các quốc gia trong khu vực. Các hoạt động hợp tác quốc tế về bảo hiểm được mở rộng.

Bên cạnh đó, các DNBH và Hiệp hội bảo hiểm cũng tích cực mở rộng quan hệ với các công ty bảo hiểm, tái bảo hiểm quốc tế, các Hiệp hội bảo hiểm trong khu vực nhằm tăng cường cơ hội mở rộng hoạt động kinh doanh ra nước ngoài, nâng cao năng lực tài chính, bảo vệ các DNBH Việt Nam trong trường hợp phải bồi thường cho các tổn thất về thiên tai, dịch bệnh mang tính chất thảm hoạ, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, chuyển giao công nghệ, đẩy mạnh hoạt động đào tạo và trao đổi thông tin phục vụ tốt hơn hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

**1.2. Kết quả thực hiện các mục tiêu cụ thể**

***a) Về cơ chế chính sách***

***- Mục tiêu:*** *Xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách về kinh doanh bảo hiểm đầy đủ, minh bạch, bình đẳng và đồng bộ, tạo thuận lợi cho sự phát triển của thị trường, bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế của Việt Nam*.

***- Kết quả thực hiện:*** Luật Kinh doanh bảo hiểm được Quốc hội ban hành từ năm 2000. Trên cơ sở đó, Chính phủ đã ban hành Nghị định 45/2007/NĐ-CP và Nghị định 46/2007/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm. Năm 2010, Quốc hội đã ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Chính phủ đã ban hành Nghị định 123/2011/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Năm 2016, Chính phủ ban hành Nghị định số 73/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 quy định chi tiết thi hành Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm. Nghị định số 73/2016/NĐ-CP thay thế cho Nghị định 45/2007/NĐ-CP, Nghị định 46/2007/NĐ-CP, Nghị định 123/2011/NĐ-CP. Năm 2019, Quốc hội ban hành Luật số 42/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ; Chính phủ đã ban hành Nghị định số 80/2019/NĐ-CP về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2016/NĐ-CP, Nghị định số 98/2013/NĐ-CP và Nghị định số 48/2018/NĐ-CP.

***b) Về nâng cao tính an toàn hệ thống, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp bảo hiểm***

*- Mục tiêu:* *Các doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, năng lực quản trị điều hành đạt chuẩn mực quốc tế, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh tích cực trên thị trường trong nước và khu vực.*

*- Kết quả thực hiện:* Tính đến hết năm 2020, 51/52 DNBH đảm bảo khả năng thanh toán. Đa số các doanh nghiệp đảm bảo vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn pháp định và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Hầu hết các DNBH đã xây dựng đầy đủ các quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, từng bước chuẩn hoá các khâu trong hoạt động kinh doanh. Nhiều DNBH có vốn đầu tư nước ngoài đã tổ chức được hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho hoạt động kinh doanh và công tác quản trị, điều hành. Tính đến cuối năm 2020, đã có 08 DNBH phi nhân thọ và DNTBH được A.M.Best xếp hạng.

***c) Về đa dạng hóa sản phẩm***

*- Mục tiêu: Khuyến khích và hỗ trợ các doanh nghiệp đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm, bảo đảm đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức và cá nhân. Tạo thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân, đặc biệt là các đối tượng có thu nhập thấp được tham gia bảo hiểm.*

*- Kết quả thực hiện:* Tính đến hết 2020, toàn thị trường có khoảng 2.350 sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ và 534 sản phẩm bảo hiểm nhân thọ.

Trong giai đoạn 2011-2020, Bộ Tài chính đã triển khai thí điểm bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu, bảo hiểm vi mô, bổ sung bảo hiểm bảo lãnh thuộc nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ. Các sản phẩm bảo hiểm mới như bảo hiểm hưu trí, bảo hiểm sức khỏe cũng đã được triển khai, ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, góp phần phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo an sinh xã hội. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng tiến hành nghiên cứu về bảo hiểm bảo lãnh thông quan, bảo hiểm tài sản công, bảo hiểm rủi ro thiên tai.

***d) Về kênh phân phối***

***- Mục tiêu:*** *Đa dạng và chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối bảo hiểm, tạo cầu nối hiệu quả giữa các doanh nghiệp bảo hiểm và khách hàng.*

***- Kết quả thực hiện***: Chất lượng và tính chuyên nghiệp của kênh phân phối đã được chú trọng nâng cao. Các DNBH đã tiến hành rà soát lại hệ thống đại lý và cấp thẻ đại lý theo quy định của pháp luật, nâng cao điều kiện tuyển dụng, nâng hạng đại lý, chất lượng đào tạo đại lý, từ đó hạn chế tình trạng đại lý mạo danh, đại lý hoạt động mà không được đào tạo, không có chứng chỉ. Bên cạnh kênh đại lý truyền thống, các kênh phân phối mới như bán bảo hiểm qua ngân hàng (bancassurance), bán hàng qua điện thoại, qua hệ thống bưu điện, bán hàng qua internet,... đã được các doanh nghiệp nghiên cứu, phát triển. Tính đến hết năm 2020, thị trường bảo hiểm có hơn 1 triệu đại lý bảo hiểm. Việc đào tạo đại lý và cấp chứng chỉ đại lý bảo hiểm có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan quản lý và các tổ chức đào tạo đại lý.

***e) Về quản lý, giám sát***

***- Mục tiêu:*** *Tổ chức công tác quản lý, giám sát thị trường chuyên nghiệp, hiện đại và hiệu quả; phát huy mạnh mẽ vai trò thành viên của cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm tại Diễn đàn các cơ quan quản lý bảo hiểm Đông Nam Á và Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế; từng bước tuân thủ các chuẩn mực quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành.*

***- Kết quả thực hiện:***

+ Về cấp phép: Giai đoạn 2011-2020, Bộ Tài chính đã cấp phép cho 14 doanh nghiệp, bao gồm: 06 DNBH, 07 DNMG và 01 chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Bên cạnh đó, Bộ Tài chính đã cấp giấy phép đặt văn phòng đại diện tại Việt Nam cho 07 DNBH, DNMG nước ngoài.

+ Về quản lý, giám sát từ xa, kiểm tra tại chỗ: Công tác quản lý, giám sát nhà nước về kinh doanh bảo hiểm được đẩy mạnh theo hướng kết hợp giữa quản lý, giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ, tăng cường đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp để giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Trong giai đoạn 2011-2020, Bộ Tài chính đã tiến hành 49 đoàn thanh tra và 121 đoàn kiểm tra doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Qua hoạt động thanh tra, kiểm tra đã đánh giá được tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh bảo hiểm và khả năng thanh toán của doanh nghiệp, kịp thời lưu ý các doanh nghiệp trong công tác quản trị tài chính, rà soát và hoàn thiện quy trình nghiệp vụ nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ, tuân thủ tốt quy định pháp luật.

+ Về cơ quan quản lý: Trong giai đoạn 2011-2020, cơ quan quản lý, giám sát bảo hiểm đã được kiện toàn về mô hình tổ chức và tăng cường về chức năng, nhiệm vụ. Bộ phận tham mưu công tác thanh tra chuyên ngành và bộ phận thống kê, thông tin TTBH được thành lập. Tháng 12/2020, Trung tâm nghiên cứu và đào tạo bảo hiểm, đơn vị sự nghiệp trực thuộc Cục Quản lý, giám sát bảo hiểm đã được chuyển đổi thành Viện phát triển bảo hiểm Việt Nam với nhiều chức năng mới.

**2. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể**

***a) Về chỉ tiêu tổng doanh thu bảo hiểm***

***- Chỉ tiêu****:* *Tổng doanh thu ngành bảo hiểm đến năm 2015 đạt 2% - 3% GDP và đến năm 2020 đạt 3% - 4% GDP.*

***- Kết quả thực hiện*:** Hoàn thành, cụ thể: Đến hết năm 2015, tổng doanh thu toàn thị trường đạt 84.506 tỷ đồng, tương đương 2% GDP. Mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2011-2015 đạt 16,8%/năm (từ 46.985 tỷ đồng năm 2011 lên 84.506 tỷ đồng năm 2015). Đến hết năm 2020, tổng doanh thu toàn thị trường đạt 220.705 tỷ đồng năm 2020, tương đương 3,51% GDP[[1]](#footnote-1). Mức tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016-2020 đạt 22%, từ 87.364 tỷ đồng năm 2016 lên 220.705 tỷ đồng năm 2020.

***b) Về chỉ tiêu quy mô các quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm***

***- Chỉ tiêu:*** *Đến năm 2015, quy mô các quỹ dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm tăng gấp 2 lần so với năm 2010. Đến năm 2020, tăng gấp 4,5 lần so với năm 2010.*

***- Kết quả thực hiện:*** Hoàn thành vượt mục tiêu, cụ thể: Đến hết năm 2015, tổng dự phòng nghiệp vụ đạt 119.540 tỷ đồng, tăng 2,16 lần so với năm 2010, mức tăng trưởng bình quân đạt 17%/năm. Đến hết năm 2020, tổng dự phòng nghiệp vụ đạt 364.793 tỷ đồng năm 2020, gấp 6,6 lần so với năm 2010, tăng trưởng bình quân đạt 25%/năm.

***c) Về chỉ tiêu tổng nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các DNBH***

***- Chỉ tiêu***: *Đến năm 2015, tổng nguồn vốn huy động cho nền kinh tế của các DNBH tăng gấp 1,7 lần so với năm 2010. Đến năm 2020, tăng gấp 3,5 lần so với năm 2010, tương đương 3 - 4% GDP.*

***- Kết quả thực hiện***: Hoàn thành vượt mục tiêu, cụ thể: Đến hết năm 2015, tổng nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế của các DNBH đạt 160.466 tỷ đồng, tăng gấp 2,02 lần so với năm 2010, tương đương 3,83% GDP. Đến hết năm 2020, tổng nguồn vốn đầu tư trở lại nền kinh tế của các DNBH đạt 468.563 tỷ đồng, tăng gấp 5,9 lần so với năm 2010, tương đương 7,45% GDP.

***d) Về chỉ tiêu đóng góp vào ngân sách nhà nước của ngành bảo hiểm***

***- Chỉ tiêu:*** Đến năm 2015, đóng góp vào ngân sách nhà nước của ngành bảo hiểm tăng gấp 2 lần so với năm 2010. Đến năm 2020, đóng góp vào ngân sách nhà nước của ngành bảo hiểm tăng gấp 4 lần so với năm 2010.

***- Kết quả thực hiện:*** Chưa hoàn thành mục tiêu, cụ thể: Đóng góp vào ngân sách nhà nước năm 2015 đạt khoảng 3.427 tỷ đồng, tăng gấp 1,8 lần so với năm 2010. Đến năm 2020: Đóng góp ngân sách nhà nước của DNBH đạt khoảng 6.586 tỷ đồng, tăng gấp 3,5 lần so với năm 2010.

Nguyên nhân không hoàn thành: (i) Trong năm 2014 và 2015, do lãi suất ngân hàng và lãi suất trái phiếu Chính phủ giảm làm lợi nhuận đầu tư của các DNBH giảm, đồng thời các DNBH nhân thọ phải trích lập dự phòng nghiệp vụ cao hơn. (ii) Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp giảm dẫn đến số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp ngân sách nhà nước giảm. (iii) Do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 đã làm giảm lợi nhuận sau thuế của doanh nghiệp.

***e) Về chỉ tiêu tuân thủ các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành***

***- Chỉ tiêu***: *Đến năm 2015, tuân thủ hoàn toàn 50% các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành. Đến năm 2020, tuân thủ hoàn toàn các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành.*

***- Kết quả thực hiện:***

+ Năm 2015: Hoàn thành mục tiêu, Việt Nam tuân thủ hoàn toàn 13/26 các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm theo thông lệ quốc tế (đạt 50%).

+ Năm 2020: Chưa hoàn thành, Việt Nam tuân thủ hoàn toàn 50% các nguyên tắc quản lý, giám sát bảo hiểm theo thông lệ quốc tế.

Nguyên nhân không hoàn thành: Việc tuân thủ hoàn toàn các nguyên tắc quản lý, giám sát của IAIS của Việt Nam là không thể thực hiện do mô hình cơ quan quản lý không độc lập, chưa áp dụng các yêu cầu về quản trị rủi ro, quản lý vốn trên cơ sở rủi ro,... Đánh giá chung so với các nước trong khu vực, mức đánh giá tuân thủ hoàn toàn 50%, 35% tuân thủ phần lớn, 15% tuân thủ một phần của Việt Nam là tương đối cao. Thực tế cũng không có quốc gia nào tuân thủ được 100% các nguyên tắc của IAIS do đây là chuẩn mực tuyệt đối dành cho thị trường phát triển trong khi điều kiện của mỗi thị trường là khác nhau.

**3. Các giải pháp đã thực hiện**

***3.1. Hoàn thiện hệ thống pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm***

*a) Giai đoạn 2011-2015:*

*- Yêu cầu:* Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật hướng dẫn Luật Kinh doanh bảo hiểm và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm nhằm đơn giản hóa và giảm bớt thủ tục hành chính, phù hợp với tình hình phát triển của thị trường bảo hiểm và các chuẩn mực quản lý, giám sát bảo hiểm quốc tế; đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng cho các chủ thể tham gia thị trường và nghĩa vụ thực hiện các cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

Sửa đổi các quy định chồng chéo giữa hệ thống văn bản pháp luật về kinh doanh bảo hiểm và các văn bản pháp luật khác, đảm bảo tính đồng bộ, nhất quán giữa các văn bản quy phạm pháp luật.

Nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung chính sách về thuế hiện hành nhằm hỗ trợ phát triển thị trường bảo hiểm, tập trung vào các chính sách khuyến khích sản phẩm bảo hiểm phục vụ mục tiêu kinh tế và an sinh xã hội như bảo hiểm nông nghiệp, lâm nghiệp và ngư nghiệp, bảo hiểm cho người nghèo.

*- Kết quả thực hiện*: Trong giai đoạn 2011-2015, đã có 43 văn bản quy phạm pháp luật được ban hành gồm: 10 Nghị định, 04 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 29 Thông tư của Bộ Tài chính. Các văn bản được rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành mới tập trung vào các mục tiêu: Tháo gỡ vướng mắc, giúp đỡ, hỗ trợ DNBH tăng trưởng hiệu quả; đơn giản hóa thủ tục hành chính; tăng cường quản trị doanh nghiệp; cạnh tranh lành mạnh, đảm bảo an toàn tài chính và đảm bảo quyền lợi của người tham gia các sản phẩm bảo hiểm. Ngoài ra, hệ thống pháp luật về kinh doanh bảo hiểm đã đảm bảo thống nhất, đồng bộ với các văn bản pháp luật khác như: Bộ luật dân sự, Bộ luật hình sự, Luật phí, lệ phí, Luật thuế giá trị gia tăng, Luật thuế thu nhập cá nhân, Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật đầu tư, Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật...

*b) Giai đoạn 2016 - 2020:*

*- Yêu cầu:* Sửa Luật Kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 61/2010/QH12 một cách tổng thể cùng các văn bản hướng dẫn thi hành theo hướng hệ thống văn bản pháp luật mới sẽ có phạm vi điều chỉnh rộng hơn và đồng bộ hơn hoạt động kinh doanh bảo hiểm trong mối liên kết với các mảng thị trường dịch vụ tài chính.

*- Kết quả thực hiện*: Trong giai đoạn 2016-2020, các văn bản hướng dẫn thi hành trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm tiếp tục được hoàn thiện, với 24 văn bản quy phạm pháp luật (01 Luật, 08 Nghị định, 03 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 12 Thông tư của Bộ Tài chính) đã được rà soát, sửa đổi bổ sung và ban hành mới. Năm 2019 và 2020, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ, trình Quốc hội đưa Đề án Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) vào Chương trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật năm 2021 với mục tiêu nhằm xây dựng hệ thống cơ chế, chính sách về kinh doanh bảo hiểm đầy đủ, minh bạch, bình đẳng và đồng bộ, tạo thuận lợi cho sự phát triển của thị trường, bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế của Việt Nam. Dự kiến, dự án Luật kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) sẽ trình Quốc hội cho ý kiến vào tháng 10/2021 và trình Quốc hội thông qua vào năm 2022.

***3.2. Nâng cao tính an toàn, hệ thống, hiệu quả hoạt động và năng lực cạnh tranh của các DNBH***

*a) Giai đoạn 2011-2015:*

*- Yêu cầu:* Tái cơ cấu các DNBH theo hướng kiện toàn mô hình tổ chức của các doanh nghiệp hoạt động yếu kém, không hiệu quả; từng bước nâng cao chất lượng công tác quản trị DNBH theo chuẩn mực và thông lệ quốc tế.

Phối hợp với các cơ quan quản lý dịch vụ tài chính khác tạo lập công cụ đầu tư tài chính dài hạn cho các DNBH và quản lý, giám sát các DNBH trực thuộc các tập đoàn tài chính – ngân hàng.

Xóa bỏ hiện tượng khép kín, chia cắt thị trường bảo hiểm; hoàn thiện các quy định đảm bảo sự công khai, minh bạch và bình đẳng trong việc cung cấp dịch vụ bảo hiểm giữa các DNBH chuyên ngành và các DNBH khác; giám sát và xử lý nghiêm các biểu hiện khép kín, độc quyền trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

Đánh giá toàn diện, phân loại chất lượng nguồn nhân lực của thị trường bảo hiểm; làm rõ tiêu chuẩn, điều kiện của từng vị trí; ban hành các quy định nhằm chuẩn hóa chất lượng nguồn nhân lực; tăng cường công tác đào tạo đáp ứng tiêu chuẩn đặt ra.

*- Kết quả thực hiện:*

+ Tái cấu trúc các DNBH: Tính đến hết năm 2015, thị trường bảo hiểm có 46/47 DNBH đáp ứng yêu cầu về vốn điều lệ và biên khả năng thanh toán. Trong đó: 12 DNBH phi nhân thọ, 17 DNBH nhân thọ thuộc nhóm 1; 17 DNBH phi nhân thọ thuộc nhóm 2; 01 DNBH phi nhân thọ thuộc nhóm 3; Không có DNBH nào thuộc nhóm 4. Đối với từng nhóm doanh nghiệp được phân loại, Bộ Tài chính đã thực hiện các giải pháp phù hợp với quy định pháp luật.

+ Tạo lập công cụ tài chính đầu tư dài hạn cho các DNBH: Trong tổng số tiền 157.266 tỷ đồng đầu tư trở lại nền kinh tế của các DNBH, có gần 57% đầu tư vào trái phiếu Chính phủ, trong đó 82% trái phiếu Chính phủ có thời hạn trên 5 năm. Trong giai đoạn 2011-2015, các DNBH đã đấu thầu thành công 47,5% tổng trái phiếu Chính phủ kỳ hạn trên 10 năm do Kho bạc Nhà nước phát hành. Trong năm 2015, lần đầu tiên Bộ Tài chính đã phát hành trái phiếu Chính phủ kỳ hạn 20 năm và 30 năm dành riêng cho lĩnh vực bảo hiểm với khối lượng 10.130 tỷ đồng.

+ Phối hợp với các cơ quan quản lý dịch vụ tài chính khác để quản lý, giám sát các DNBH trực thuộc tập đoàn tài chính – ngân hàng: Trên cơ sở Quy chế phối hợp công tác và chia sẻ thông tin giữa Bộ Tài chính và Ngân hàng nhà nước được ký kết ngày 29/2/2012, Bộ Tài chính đã chủ động, phối hợp có hiệu quả với Ngân hàng nhà nước trong việc chia sẻ thông tin để xây dựng cơ chế chính sách trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, các thông tin về quản lý giám sát đối với các DNBH trực thuộc các tập đoàn tài chính- ngân hàng.

+ Xóa bỏ hiện tượng khép kín, chia cắt thị trường: Thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP ngày 09/7/2012 của Chính phủ về chủ trương thoái vốn đầu tư không thuộc ngành nghề kinh doanh chính của các Tập đoàn, Tổng công ty, các DNBH đã đẩy mạnh triển khai việc thoái vốn (Bảo Việt thoái vốn khỏi Bảo Long, Tập đoàn than khoáng sản thoái vốn tại Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Sài Gòn Hà Nội, Tổng công ty Hàng Không Việt Nam thoái vốn tại Công ty cổ phần bảo hiểm Hàng không; Tập đoàn Điện lực thoái vốn tại Công ty cổ phần bảo hiểm Toàn Cầu); giảm tỷ lệ vốn góp của các Tập đoàn, Tổng công ty nhà nước trong các DNBH chuyên ngành (Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Bưu điện, Tổng Công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam) nhằm phòng ngừa biểu hiện khép kín, độc quyền trong kinh doanh bảo hiểm.

+ Đánh giá, phân loại chất lượng nguồn nhân lực của thị trường bảo hiểm, tăng cường năng lực quản trị doanh nghiệp: Trong giai đoạn 2011-2015, Bộ Tài chính đã ban hành quy định về tiêu chuẩn của một số vị trí chức danh trong DNBH và yêu cầu về chất lượng, trình độ đối với cán bộ DNBH. Bộ Tài chính cũng đang đẩy mạnh hợp tác với các tổ chức đào tạo quốc tế chuyên về bảo hiểm nhằm xây dựng các khung chương trình, nội dung đào tạo chuẩn. Tính đến hết năm 2015, thị trường bảo hiểm Việt Nam có 584.719 lao động. Các doanh nghiệp đã ban hành các quy chế, quy trình nghiệp vụ, chuẩn hóa các khâu trong hoạt động kinh doanh, tổ chức các khóa tự đào tạo, có hệ thống kiểm soát nội bộ, đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại để ứng dụng vào hoạt động kinh doanh và công tác quản trị, điều hành.

*b) Giai đoạn 2016 - 2020:*

*- Yêu cầu*: Xây dựng cơ chế, chính sách nhằm tăng cường năng lực quản trị và hoạt động của các DNBH trên 3 yêu cầu chủ yếu: an toàn vốn, quản trị rủi ro và minh bạch hoá thông tin.

*- Kết quả thực hiện:*

Bộ Tài chính đã tăng cường quản lý, giám sát và kiểm tra việc tuân thủ quy định của pháp luật về an toàn tài chính của DNBH bao gồm: Đảm bảo vốn chủ sở hữu không thấp hơn vốn điều lệ đã góp và tương ứng với quy mô, phạm vi và địa bàn hoạt động của DNBH; duy trì khả năng thanh toán; thực hiện đầu tư theo nguyên tắc an toàn, thận trọng, thanh khoản và kiểm soát hạn mức đầu tư. Hầu hết các DNBH đã xây dựng đầy đủ các quy trình nghiệp vụ theo quy định của pháp luật, từng bước chuẩn hoá các khâu trong hoạt động kinh doanh. Nhiều DNBH có vốn đầu tư nước ngoài đã tổ chức được hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả, đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin hiện đại phục vụ cho hoạt động kinh doanh và công tác quản trị, điều hành. Đến hết năm 2020, đã có 08 DNBH phi nhân thọ và DNTBH được A.M.Best xếp hạng.

Các yêu cầu về công khai, minh bạch hóa thông tin của DNBH được quy định tại Nghị định 73/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016, Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15/5/2017. Riêng các sản phẩm bảo hiểm có tính phức tạp như bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm liên kết đơn vị, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, DNBH tiếp tục thực hiện các yêu cầu công khai, minh bạch thông tin theo các Thông tư hướng dẫn triển khai sản phẩm tương ứng.

***3.3. Khuyến khích, hỗ trợ các DNBH phát triển và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm***

*a) Giai đoạn 2011-2015:*

*- Yêu cầu:* Chuẩn hóa điều kiện và quy trình phê chuẩn sản phẩm, đặc biệt là các sản phẩm bảo hiểm liên kết đầu tư nhằm tăng tính hấp dẫn và khả năng cạnh tranh của các sản phẩm này so với các sản phẩm tài chính thay thế khác.Tổng kết đánh giá các chương trình thí điểm các loại hình bảo hiểm được Nhà nước hỗ trợ (bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu), trên cơ sở đó đề xuất các giải pháp tiếp theo cho phù hợp với thực tế. Rà soát, sửa đổi, bổ sung các chế độ bảo hiểm bắt buộc theo quy định của Luật Kinh doanh bảo hiểm (bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy nổ bắt buộc) cho phù hợp với điều kiện và thực tiễn phát triển kinh tế.

*- Kết quả thực hiện:* Trong giai đoạn 2011-2015, Bộ Tài chính đã khuyến khích các DNBH phát triển và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm thông qua việc chuẩn hóa điều kiện và quy trình phê chuẩn sản phẩm, tổng kết đánh giá các chương trình thí điểm (Bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tín dụng xuất khẩu); rà soát, điều chỉnh cơ chế chính sách đối với bảo hiểm bắt buộc như: giảm mức đóng góp vào quỹ bảo hiểm xe cơ giới từ 2% xuống 1% doanh thu phí bảo hiểm bắt buộc của chủ TNDS xe cơ giới (Thông tư 43/2014/TT-BTC); hoàn thiện chế độ bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (Thông tư 214/2013/TTLT-BTC-BCA); ban hành quy định về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng (Nghị định 119/2015/NĐ-CP),...

*b) Giai đoạn 2016-2020:*

*- Yêu cầu*: Nghiên cứu ban hành các chế độ bảo hiểm bắt buộc mới phục vụ mục tiêu an sinh xã hội; chính sách hỗ trợ người có thu nhập thấp tham gia bảo hiểm; hỗ trợ phát triển các nhóm sản phẩm vì mục đích cộng đồng và an sinh xã hội; xây dựng cơ chế phối hợp cung cấp dịch vụ giữa các DNBH đối với các loại hình bảo hiểm đặc thù (như bảo hiểm năng lượng nguyên tử).

*- Kết quả triển khai:*

+ Về bảo hiểm vi mô: Thực hiện Quyết định số 2195/QĐ-TTg ngày 06/12/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án xây dựng và phát triển hệ thống tài chính vi mô tại Việt Nam đến năm 2020, Bộ Tài chính đã hướng dẫn triển khai thí điểm bảo hiểm vi mô đối với Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam và Trung tâm hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực tài chính cộng đồng thuộc Hội Khuyến học Việt Nam. Tính đến cuối năm 2018, doanh thu phí bảo hiểm đạt 24 tỷ đồng, số hợp đồng có hiệu lực đạt hơn 140.000 hợp đồng. Hiện nay, Luật Kinh doanh bảo hiểm (sửa đổi) đã bổ sung một chương về bảo hiểm vi mô, trong đó quy định về tổ chức triển khai bảo hiểm vi mô, đặc điểm của bảo hiểm vi mô và giao Chính phủ quy định chi tiết.

+ Về bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng: Chính phủ đã có quy định tại Nghị định số 119/2015/NĐ-CP quy định điều kiện bảo hiểm, mức phí bảo hiểm, số tiền bảo hiểm tối thiểu đối với bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng của các công trình xây dựng có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng, môi trường, công trình có yêu cầu kỹ thuật đặc thù, điều kiện thi công xây dựng phức tạp. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 329/2016/TT-BTC ngày 26/12/2016 hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 119/2015/NĐ-CP.

***3.4. Đa dạng và chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối bảo hiểm***

*a) Giai đoạn 2011-2015*

*- Yêu cầu*: Đa dạng hoá các kênh phân phối bảo hiểm; củng cố hệ thống đại lý bảo hiểm thông qua kiểm soát chặt chẽ việc thi cấp chứng chỉ đào tạo; xây dựng và áp dụng các chương trình đào tạo và chứng chỉ đại lý theo tính phức tạp của loại hình sản phẩm mà đại lý được tư vấn cho khách hàng.

*- Kết quả thực hiện*: Mạng lưới hoạt động của thị trường bảo hiểm được mở rộng, tính đến 31/12/2015 các DNBH đã có tới 752 chi nhánh, 852 văn phòng đại diện trên phạm vi cả nước nhằm tăng cường chất lượng phục vụ khách hàng từ khâu bán hàng, chăm sóc và thực hiện bồi thường. Hệ thống đại lý bảo hiểm với 561.773 người được đào tạo và từng bước đi vào hoạt động chuyên nghiệp hơn.

*b) Giai đoạn 2016 - 2020:*

*- Yêu cầu*: Nghiên cứu ban hành các chính sách khuyến khích phát triển các kênh phân phối khác phù hợp với thông lệ quốc tế và điều kiện thực tiễn của Việt Nam như kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng, internet...

*- Kết quả thực hiện:*

Đến hết năm 2020, các DNBH đã có khoảng 1.000 chi nhánh, văn phòng đại diện trên phạm vi cả nước. Hệ thống đại lý bảo hiểm với 1.063.835 người được đào tạo và từng bước đi vào hoạt động chuyên nghiệp hơn. Bên cạnh đó, đại lý tổ chức cũng đã ngày càng gia tăng về số lượng và vai trò trong khai thác bảo hiểm. Đến hết năm 2020, thị trường bảo hiểm đã có 3.534 đại lý tổ chức với 386.053 cá nhân trực thuộc. Trong lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, kênh phân phối bảo hiểm qua ngân hàng có sự tăng trưởng doanh thu rõ rệt, đến hết năm 2020, tỷ trọng doanh thu khai thác mới qua ngân hàng đạt trên 30%.

Năm 2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 165/2018/NĐ-CP quy định về giao dịch điện tử trong hoạt động tài chính, bao gồm lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm. Các quy định pháp lý này đã tạo nền tảng cho việc các DNBH, DNMG nghiên cứu, xây dựng và phát triển các kênh phân phối dựa trên nền tảng công nghệ.

***3.5. Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm***

*a) Giai đoạn 2011-2015*

*- Yêu cầu:* Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm theo pháp luật; Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hệ thống chỉ tiêu giám sát DNBH phù hợp với các chuẩn mực quản lý, giám sát bảo hiểm quốc tế và đặc điểm của thị trường bảo hiểm Việt Nam; Phát triển nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm, làm rõ chức năng nhiệm vụ của từng vị trí, trên cơ sở đó bố trí lực lượng cán bộ quản lý, giám sát tương ứng với số lượng doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm. Xây dựng cơ chế thu hút cán bộ, chuyên gia có trình độ và kinh nghiệm thực tiễn làm việc trong cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm.

*- Kết quả thực hiện:*

Trong giai đoạn 2011-2015, Bộ Tài chính đã tiến hành 15 cuộc thanh tra toàn diện, 03 cuộc thanh tra chuyên đề, 48 cuộc kiểm tra toàn diện và 33 cuộc kiểm tra chuyên đề; Nghiên cứu sửa đổi, bổ sung hệ thống chỉ tiêu giám sát DNBH phù hợp với các chuẩn mực quản lý, giám sát bảo hiểm quốc tế và đặc điểm của thị trường bảo hiểm Việt Nam (Thông tư 195/2014/TT-BTC); Bên cạnh đó, Bộ Tài chính cũng chú trọng phát triển nguồn nhân lực cho cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm, theo đó, đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý, giám sát bảo hiểm đã được kiện toàn cả về số lượng và chất lượng thông qua các buổi đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị, ngoại ngữ...

*b) Giai đoạn 2016 - 2020*

*- Yêu cầu*: Tăng cường phương thức quản lý, giám sát thông qua các chỉ tiêu về hoạt động của doanh nghiệp, xây dựng hệ thống phân tích tự động hỗ trợ công tác phân tích, đánh giá và cảnh báo sớm nguy cơ của DNBH; Hiện đại hóa cơ sở hạ tầng, hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu hoạt động quản lý, giám sát. Xây dựng và triển khai hệ thống công nghệ thông tin kết nối giữa cơ quan quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm với các DNBH và DNMG. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu thống kê chung cho thị trường bảo hiểm.

*- Kết quả thực hiện:*

+ Ngày 17/12/2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 195/2014/TT-BTC hướng dẫn đánh giá, xếp loại DNBH. Hệ thống các tiêu chí định tính và định lượng để đánh giá doanh nghiệp là công cụ giúp cơ quan quản lý phát huy việc quản lý, giám sát thận trọng, hỗ trợ cơ quan quản lý phát hiện sớm các dấu hiệu cần tăng cường kiểm soát để có biện pháp chấn chỉnh kịp thời, phù hợp với từng DNBH, đảm bảo các doanh nghiệp hoạt động an toàn, hiệu quả. Trong số 52 DNBH, chỉ có 01 DNBH thuộc nhóm 3 là Công ty cổ phần bảo hiểm Viễn Đông.

+ Trong giai đoạn 2016-2020, Bộ Tài chính đã đưa vào vận hành cơ sở dữ liệu bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, trang thông tin điện tử; xây dựng phần mềm dịch vụ công trực tuyến “Sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập và hoạt động của DNBH, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và văn phòng đại diện của DNBH nước ngoài tại Việt Nam”. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã tổ chức triển khai thí điểm dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 đối với 16 DNBH, DNMG, Văn phòng đại diện của DNBH nước ngoài tại Việt Nam, cho phép các doanh nghiệp thực hiện nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung giấy phép trực tuyến nhằm đơn giản hóa các thủ tục hành chính cho các doanh nghiệp.

+ Đối với việc xây dựng hệ thống phân tích tự động hỗ trợ công tác phân tích, đánh giá và cảnh báo sớm nguy cơ của DNBH thì vẫn chưa hoàn thành do đây là công tác khá phức tạp cần có thời gian và chi phí để thực hiện. Ngày 21/10/2016, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 2268/QĐ-BTC về việc phê duyệt kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan Bộ Tài chính giai đoạn 2016-2020, trong đó có Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm” và ngày 19/02/2020, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 218/QĐ-BTC về việc phê duyệt dự án Hệ thống thông tin quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Triển khai xây dựng Dự án “Hệ thống thông tin quản lý và giám sát hoạt động kinh doanh bảo hiểm” là một cấu phần trong thực hiện xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về tài chính.

***3.6. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm***

*a) Yêu cầu*

- Xây dựng lộ trình hội nhập trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm, trên cơ sở đó xác định mục tiêu, nguyên tắc định hướng và giải pháp hội nhập WTO, ASEAN và các Hiệp định thương mại song phương

- Chủ động, tích cực tham gia Diễn đàn các cơ quan quản lý bảo hiểm Đông Nam Á và Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế; đồng thời tranh thủ sự hỗ trợ, hợp tác song phương giữa các cơ quan quản lý bảo hiểm thông qua chương trình hợp tác, biên bản ghi nhớ, đào tạo cán bộ, hội thảo nghiệp vụ.

- Khuyến khích các DNBH tiếp tục nghiên cứu đầu tư ra các thị trường bảo hiểm nước ngoài để mở rộng cơ hội kinh doanh, trong đó tập trung vào các địa bàn có tiềm năng và thuận lợi trên nguyên tắc hiệu quả.

*b) Kết quả thực hiện*

- Về hợp tác quốc tế: Tiếp tục mở rộng hợp tác với các quốc gia phát triển về bảo hiểm nhằm học hỏi, chia sẻ kinh nghiệm; nâng cao hiệu quả trong công tác quản lý, giám sát thị trường; Phối hợp với các đối tác, các nhà tài trợ xây dựng, triển khai các chương trình hỗ trợ kỹ thuật, đáp ứng nhu cầu, bám sát các mục tiêu Chiến lược và giải pháp phát triển của thị trường bảo hiểm, tăng cường chất lượng chuyên gia tư vấn quốc tế và đa dạng hóa hình thức hỗ trợ, đặc biệt là các hình thức hỗ trợ đào tạo dài hạn, gắn với thực hành, thực tập.

- Về hội nhập quốc tế: Triển khai thực hiện tốt, hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm, các chương trình hợp tác đang thực hiện với các tổ chức và đối tác quốc tế.

- Về đầu tư ra nước ngoài: Hiện nay, trên thị trường bảo hiểm có 04 DNBH có hoạt động đầu tư ra nước ngoài, cụ thể: Tổng công ty cổ phần bảo hiểm Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam, Công ty Cổ phần Bảo hiểm Nhân thọ Phú Hưng thành lập công ty tại Campuchia; Tổng công ty cổ phần bảo hiểm bưu điện, Tổng công ty bảo hiểm Sài Gòn - Hà Nội thành lập công ty tại Lào.

**4. Đánh giá chung**

***4.1. Những kết quả đạt được***

Sau 10 năm tiến hành đồng bộ các giải pháp theo Chiến lược phát triển thị trường bảo hiểm Việt Nam giai đoạn 2011-2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, thị trường Việt Nam đã đạt được những kết quả nhất định. Cụ thể:

- Khung khổ pháp lý về kinh doanh bảo hiểm dần được hoàn thiện theo hướng đơn giản hóa và giảm bớt thủ tục hành chính, tạo môi trường pháp lý đồng bộ, công khai, minh bạch và bình đẳng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế tham gia hoạt động trên thị trường, phù hợp với các chuẩn mực và cam kết quốc tế của Việt Nam trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

- Công tác quản lý, giám sát nhà nước về kinh doanh bảo hiểm được đẩy mạnh theo hướng kết hợp giữa quản lý, giám sát từ xa và kiểm tra tại chỗ, tăng cường đối thoại trực tiếp với doanh nghiệp để giải quyết kịp thời khó khăn, vướng mắc, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Cơ quan quản lý đã được kiện toàn về mô hình tổ chức và tăng cường về chức năng nhiệm vụ, đảm bảo thực hiện tốt chức năng quản lý, giám sát, hỗ trợ thị trường phát triển an toàn, ổn định, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người tham gia bảo hiểm và của các DNBH.

- Các doanh nghiệp bảo hiểm hoạt động an toàn, hiệu quả, năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp ngày càng được cải thiện. Năng lực tài chính của doanh nghiệp bảo hiểm tăng cường đáng kể sau 10 năm, quy mô của thị trường tăng gấp 6 lần.

- Các sản phẩm bảo hiểm và chất lượng dịch vụ phát triển, ngày càng đáp ứng nhu cầu đa dạng của người tham gia bảo hiểm, TTBH đã có hầu hết các sản phẩm bảo hiểm phổ biến trên thế giới.

- TTBH đạt mức tăng trưởng cao và ổn định với mức tăng trưởng bình quân 20%/năm, cơ bản hoàn thành các mục tiêu đề ra tại Chiến lược phát triển thị trường Việt Nam giai đoạn 2011-2020. TTBH ngày càng thể hiện được vai trò, vị trí đối với sự phát triển kinh tế, xã hội, góp phần vào việc thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển ngành tài chính và kinh tế xã hội giai đoạn 2011-2020.

- Bảo hiểm trở thành công cụ hữu ích bảo vệ tài chính cho các nhà đầu tư trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Cho đến nay, bảo hiểm đã và đang bảo vệ cho hầu hết tất cả các loại hình tài sản của mọi thành phần và ngành nghề kinh tế với nhiều loại hình bảo hiểm đa dạng.

- Bảo hiểm góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, bổ sung vốn đầu tư mỗi năm cho nền kinh tế, bổ trợ cho các chính sách an sinh xã hội, giải quyết công ăn việc làm cho triệu lao động và hàng chục triệu người dân tham gia bảo hiểm.

- Bảo hiểm góp phần thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ cấp bách của Chính phủ: bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm thủy sản,... góp phần vào việc thực hiện chính sách Tam nông của Đảng và Nhà nước.

- TTBH phát triển đã thúc đẩy hội nhập, hợp tác kinh tế quốc tế. Trong các hiệp định tự do hoá thương mại song phương và đa phương, lĩnh vực bảo hiểm luôn cam kết với lộ trình và mức độ mở cửa thị trường cao, tạo điều kiện thúc đẩy hàng hoá Việt Nam thâm nhập vào các thị trường lớn có mức độ bảo hộ cao như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản,...

***4.2. Tồn tại, hạn chế***

Mặc dù đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ, tuy nhiên thị trường cũng bộc lộ một số tồn tại và cơ chế chính sách cũng có những bất cập chưa theo kịp với thực tế, cụ thể như sau:

*Một là,* quy mô của thị trường bảo hiểm Việt Nam vẫn còn nhỏ so với tiềm năng trong khi nhu cầu bảo hiểm trong khu vực công, khu vực công nghiệp, thương mại, hộ gia đình và dân cư đang đòi hỏi ngày càng cao. Tính đến hết năm 2020, tổng doanh thu của TTBH mới chiếm khoảng 3,55% GDP, nằm ở mức trung bình thấp của các nước trong khu vực (3-5%) và thế giới (6-7%).

*Hai là,* hệ thống pháp luật về kinh doanh bảo hiểm chưa bắt kịp với sự phát triển nhanh của thị trường tài chính trong nước và quốc tế. Chủ yếu là các quy định về thành lập DNBH, về quản trị hoạt động và quản lý tài chính, về xu thế ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động kinh doanh bảo hiểm,...

*Ba là,* về năng lực cạnh tranh, DNBH đã phát triển hơn về quy mô, phạm vi hoạt động song một số DNBH có tổ chức chưa hiệu quả, việc quản lý, giám sát chưa theo kịp với mức độ phát triển, chưa có sự đầu tư đúng mức đối với hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm nhận diện kịp thời các rủi ro cũng như nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, hệ thống công nghệ thông tin. Số lượng các DNBH và DNTBH thực hiện đánh giá xếp hạng tín nhiệm còn thấp.

*Bốn là,* chất lượng nguồn nhân lực tăng về số lượng nhưng chưa vững mạnh về chất lượng. Chất lượng, năng lực, kỹ năng làm việc giữa các nhân lực làm cùng một công việc tại các DNBH là khác nhau. Năng lực cán bộ trong cùng một doanh nghiệp, tổ chức kinh doanh bảo hiểm cũng chưa có tiêu chuẩn đánh giá cụ thể, chưa có thước đo chung. Công tác đào tạo tại các cơ sở đào tạo chưa có chất lượng đồng đều về chương trình đào tạo, nội dung thi, loại chứng chỉ.

*Năm là,* số lượng sản phẩm triển khai tăng cao trong thời gian qua nhưng còn thiếu các sản phẩm được thiết kế mang tính cá nhân hóa theo yêu cầu của khách hàng bảo hiểm, các sản phẩm bảo hiểm xanh. Các sản phẩm bảo hiểm dành cho người thu nhập thấp hoặc khu vực nông thôn, các sản phẩm thúc đẩy an sinh xã hội như bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm nông nghiệp còn được triển khai chưa rộng rãi.

*Sáu là,* chất lượng và tính chuyên nghiệp của kênh phân phối cần được tăng cường hơn nữa để đảm đương tốt vai trò là cầu nối giữa DNBH và người tham gia bảo hiểm. Các kênh phân phối mới mặc dù tốc độ tăng trưởng cao nhưng vẫn còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu phí và có những kênh phân phối mới như qua mạng hoặc tích hợp các tổ chức tài chính (công ty tài chính, ví điện tử, sàn giao dịch điện tử) chưa có quy định cụ thể. Các kênh phân phối mới vẫn chưa phát huy hết được tiềm năng phát triển.

*Bảy là,* phương thức quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm của cơ quan quản lý chủ yếu vẫn là quản lý, giám sát tính tuân thủ các quy định pháp luật, chưa có các cơ chế quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro tương ứng nhằm chủ động phá hiện, kiểm soát nguy cơ rủi ro của các DNBH và thị trường bảo hiểm. Phương thức quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro hiện là xu thế chuyển đổi của các nước và đây cũng là khuyến nghị của IAIS. Cơ quan quản lý về kinh doanh bảo hiểm trực thuộc Bộ Tài chính, mặc dù đã liên tục được hoàn thiện về chức năng, nhiệm vụ và độc lập một phần về tài chính song vẫn chưa phải là một cơ quan quản lý độc lập theo khuyến cáo của IAIS, hệ thống công nghệ thông tin quản lý còn hạn chế và thiếu chuyên gia tính toán tại cơ quan quản lý.

*Tám là,* hiện chưa có cơ sở dữ liệu chung toàn ngành nên chưa đủ cơ sở xây dựng phí bảo hiểm thuần, giám sát mức độ đầy đủ về phí bảo hiểm và giảm thiểu trục lợi bảo hiểm. Việc có một cơ sở dữ liệu chung có vai trò quan trọng trong việc chuẩn hóa công tác thiết kế sản phẩm bảo hiểm, quản trị rủi ro thị trường, tăng cường tính minh bạch và chủ động của các bên tham gia thị trường cũng như trong công tác hoạch định chính sách, đánh giá thị trường của cơ quan quản lý.

*Chín là,* nhận thức và ý thức về bảo hiểm của các tổ chức, cá nhân, người tham gia bảo hiểm còn hạn chế. Bên cạnh đó, việc bảo vệ quyền lợi của người tham gia bảo hiểm chưa rõ ràng và hiệu quả ở cả cơ quan quản lý bảo hiểm, DNBH và Hiệp hội bảo hiểm.

*Mười là,* Hiệp hội bảo hiểm đã thể hiện rõ là đại diện cho DNBH, đóng vai trò quan trọng trong kết nối giữa cơ quan quản lý và doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong thời gian qua còn có nhiều mảng Hiệp hội bảo hiểm chưa phát huy hết được các vai trò tương tự như các Hiệp hội bảo hiểm khác trên thế giới như nâng cao tính chuyên nghiệp của thị trường bảo hiểm thông qua việc đưa các chuẩn mực nghề nghiệp, đạo đức hành nghề, đầu mối hòa giải các tranh chấp giữa doanh nghiệp và doanh nghiệp, giữa doanh nghiệp và người tham gia bảo hiểm, tuyên truyền về bảo hiểm.

***4.3. Nguyên nhân của những hạn chế tồn tại***

*Một là,* thị trường bảo hiểm Việt Nam so với các nước trong khu vực và trên thế giới là một thị trường mới, phát triển được hơn 20 năm, phụ thuộc vào mức độ phát triển của nền kinh tế xã hội, chính sách của Nhà nước và chiến lược kinh doanh của doanh nghiệp. Hiện nay, các DNBH đang tập trung vào các khách hàng có thu nhập trung bình trở lên tập trung ở các thành phố lớn, chưa mở rộng nhiều sang các đối tượng khách hàng có thu nhập thấp. Bên cạnh đó, người dân chưa có thói quen tiêu dùng bảo hiểm cũng như coi đây là một sản phẩm thiết yếu trong kế hoạch tài chính gia đình.

*Hai là,* hệ thống pháp luật về kinh doanh bảo hiểm mặc dù được xây dựng tương đối đầy đủ, tuy nhiên vẫn chưa có các chính sách ưu đãi để khuyến khích DNBH mở rộng kinh doanh tại các vùng sâu, vùng xa hoặc đầu tư vào các sản phẩm bảo hiểm vì mục tiêu an sinh xã hội hoặc đầu tư vào các sản phẩm bảo hiểm cho người có thu nhập thấp, sản phẩm bảo hiểm y tế; chưa có các chính sách về tái bảo hiểm phù hợp để tận dụng tối đa năng lực giữ lại của thị trường trong nước nhưng vẫn đảm bảo được hiệu quả hoạt động và an toàn tài chính doanh nghiệp.

*Ba là,* về năng lực cạnh tranh, một số DNBH, đặc biệt là một số doanh nghiệp trong nước chưa có ý thức tuân thủ; chưa chủ động trong việc quản trị doanh nghiệp, quản trị rủi ro; thiếu công cụ để đánh giá và chưa chủ động quản lý, giám sát và áp dụng các biện pháp đảm bảo an toàn tài chính. Ngoài ra, do hiệu quả hoạt động thấp nên có một số DNBH phi nhân thọ trong nước chưa tập trung và chủ động đầu tư về hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Về quản lý tài chính, hầu hết các DNBH phi nhân thọ trong nước hiện nay vẫn áp dụng mô hình quản lý phi tập trung, phân cấp nhiều cho các chi nhánh, văn phòng đại diện, tiềm ẩn nhiều rủi ro cho các DNBH.

*Bốn là,* chất lượng nguồn nhân lực: chính sách, pháp luật về hoạt động chuẩn hóa chất lượng nguồn nhân lực chưa gắn với hệ thống Khung tiêu chuẩn năng lực chuyên môn bảo hiểm và khung chứng chỉ chuyên môn và yêu cầu về nội dung đối với công tác đào tạo, thi, cấp chứng chỉ đối với cán bộ của ngành bảo hiểm tại Việt Nam. Hiện chưa có được khung tiêu chuẩn năng lực cho toàn thị trường bảo hiểm để các doanh nghiệp có căn cứ tham chiếu thực hiện hướng tới một thị trường bảo hiểm có đội ngũ nhân lực đồng đều và giỏi về năng lực chuyên môn bảo hiểm.

*Năm là,* về sản phẩm bảo hiểm: nhiều doanh nghiệp chưa có chiến lược phát triển sản phẩm bảo hiểm rõ ràng nhằm tạo lợi thế cạnh tranh trong dài hạn và bắt kịp với xu thế ứng dụng công nghệ thông tin và xu thế phát triển kinh tế xanh trong tương lai. Việc phát triển các sản phẩm có tính cá nhân hóa theo yêu cầu khách hàng thường đòi hỏi cao về ứng dụng công nghệ thông tin và linh hoạt trong thiết kế. Bên cạnh đó, các DNBH hiện đang chỉ tập trung khai thác đối tượng khách hàng tại thành thị do có nguồn tài chính cao, ổn định và đem lại lợi nhuận cao hơn so với các khu vực khác; tập trung phát triển các sản phẩm có hoa hồng cao, đem lại lợi nhuận sớm. Đối với các sản phẩm an sinh xã hội, Nhà nước chưa có chính sách cụ thể để thúc đẩy phát triển hoặc chưa có các biện pháp bổ sung như bảo hiểm vi mô, bảo hiểm hưu trí tự nguyện.

*Sáu là,* chất lượng và tính chuyên nghiệp của kênh phân phối: hiện chưa có các chuẩn mực đạo đức hành nghề đối với đại lý bảo hiểm, môi giới bảo hiểm. Các DNBH chưa chú trọng đúng mức trong việc nâng cao chất lượng hoạt động của kênh phân phối mà tập trung nhiều hơn vào việc mở rộng mạng lưới. Còn thiếu quy định pháp luật điều chỉnh đối với kênh phân phối mới cũng chưa có nhiều biện pháp chấn chỉnh đối với DNBH vi phạm trong quản lý, sử dụng kênh phân phối bảo hiểm.

*Bảy là,* phương thức quản lý, giám sát thị trường bảo hiểm, việc chuyển đổi phương thức quản lý giám sát thị trường bảo hiểm cần thời gian, lộ trình và phù hợp với mức độ phát triển của thị trường bảo hiểm. Trong giai đoạn đầu, với quy mô còn nhỏ, thị trường còn đơn sơ, các doanh nghiệp mới, việc quản lý, giám sát tuân thủ là phù hợp, thuận lợi cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp khi thực hiện. Đây cũng là cách mà các nước phát triển đã áp dụng trước đây. Khi thị trường phát triển hơn với nhiều rủi ro đan xen tác động hơn hơn, cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp đều đã có kinh nghiệm hoạt động thì việc chuyển đổi sang phương thức quản lý mới, giám sát trên cơ sở rủi ro là cần thiết.

*Tám là,* chưa có chuẩn mực chung về hệ thống công nghệ thông tin, số liệu thống kê phục vụ hoạt động kinh doanh bảo hiểm và quản lý, giám sát chưa đồng bộ để có những phân tích, dự báo chính xác về hoạt động của từng doanh nghiệp và của thị trường. Hạ tầng công nghệ thông tin trong ngành bảo hiểm vẫn chưa theo kịp với tốc độ phát triển và nhu cầu của thị trường như rủi ro an ninh mạng, bất đối xứng thông tin. Việc xây dựng cơ sở dữ liệu toàn ngành chưa thực hiện được do chưa có cơ quan chủ trì, chịu trách nhiệm thực hiện với kế hoạch thực hiện và ngân sách phù hợp để thực hiện.

*Chín là,* nhận thức và ý thức về bảo hiểm của các tổ chức, cá nhân, người tham gia bảo hiểm còn hạn chế do công tác tuyên truyền chưa được thực hiện đồng bộ, tổng thể của toàn ngành. Việc tuyên truyền, phổ biến hoàn toàn thuộc quyền chủ động của doanh nghiệp. Cơ quan quản lý chỉ thực hiện tuyên truyền pháp luật khi có văn bản quy phạm pháp luật mới.

*Mười là,* Hiệp hội bảo hiểm chưa có chiến lược hoạt động nhằm nâng cao tính chuyên nghiệp của ngành và phát huy vai trò định hướng các DNBH, chưa tập trung nguồn lực để thực hiện.

**Phần thứ ba**

**CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM ĐẾN NĂM 2030**

**1. Dự báo thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức trong việc phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030**

*a) Thuận lợi và cơ hội*

Một là, nền kinh tế Việt Nam được dự kiến tiếp tục tăng trưởng cao với tốc độ tăng trưởng GDP bình quân khoảng 7%/năm; GDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đến năm 2030 đạt khoảng 7.500 USD; cơ cấu kinh tế được chuyển dịch, đến năm 2030, tỷ trọng công nghiệp chế biến, chế tạo đạt khoảng 30% GDP, kinh tế số đạt khoảng 30% GDP; Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên 50%; Tuổi thọ bình quân đạt 75 tuổi, trong đó thời gian sống khỏe mạnh đạt tối thiểu 68 năm; Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 35 - 40%; Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội giảm xuống dưới 20%.

Hai là, thị trường Việt Nam còn nhiều tiềm năng để phát triển, cụ thể: Dân số Việt Nam đang trong độ tuổi vàng, là cơ hội phát triển rất nhiều sản phẩm bảo hiểm nhân thọ như bảo hiểm hỗn hợp, bảo hiểm liên kết chung, bảo hiểm hưu trí,... Kinh tế phát triển, đầu tư xây dựng mới ngày càng nhiều, lưu thông buôn bán giữa các địa phương, các quốc gia ngày càng gia tăng, tạo rất nhiều tiềm năng cho việc phát triển các sản phẩm bảo hiểm phi nhân thọ.

Ba là, việc hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng của Việt Nam sẽ tạo cơ hội thuận lợi cho thị trường bảo hiểm phát triển. Các DNBH trong nước sẽ có nhiều cơ hội tiếp cận với các đối tác là tổ chức kinh doanh bảo hiểm nước ngoài có uy tín, có kinh nghiệm, có tiềm lực tài chính mạnh, từ đó tăng cường hợp tác, chuyển giao công nghệ kinh doanh. Thị trường bảo hiểm đã và đang có rất nhiều các DNBH hàng đầu thế giới và khu vực đầu tư phát triển, cam kết hoạt động lâu dài tại Việt Nam. Bên cạnh đó, các hiệp định thương mại song phương, đa phương đều có các cam kết về cung cấp dịch vụ qua biên giới, vì vậy, đây là cơ hội mở rộng kinh doanh với các DNBH có năng lực.

Bốn là, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và các cải cách trong công nghệ được ứng dụng ngày càng rộng rãi trong các lĩnh vực, các ngành nghề, thành phần kinh tế và xã hội, tạo cơ hội cho các DNBH và các tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm tăng khả năng tiếp cận.

*b) Những khó khăn và thách thức, rủi ro của thị trường bảo hiểm*

Một là, tình hình dịch bệnh, biến đổi về môi trường, thời tiết, khí hậu ngày càng khó dự đoán. Trong những năm qua, thiên tai đã gây ra thiệt hại lớn đối với ngành bảo hiểm và xu hướng xảy ra thiên tai ngày càng tăng. Đông Nam Á tiếp tục được xem là “rốn bão” của thế giới, dễ bị ảnh hưởng nhất cuả biến đổi khí hậu do lụt, bão, nước biển dâng, hạn hán... Việt Nam là nước dễ bị tổn thương trước tác động của biến đổi khí hậu. Theo đánh giá hàng năm về những nước chịu ảnh hưởng nặng nhất bởi các hiện tượng thời tiết cực đoan, Việt Nam đứng thứ 5 về Chỉ số rủi ro khí hậu toàn cầu năm 2018 và thứ 8 về Chỉ số rủi ro khí hậu dài hạn (CRI). Sự biến đổi thời tiết ảnh hưởng đến các loại hình bảo hiểm như bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm tài sản, bảo hiểm rủi ro thiên tai, bảo hiểm nhân thọ.

Hai là, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng chưa thực sự bền vững, chất lượng tăng trưởng, năng suất và sức cạnh tranh còn thấp, hiệu quả sử dụng nguồn lực còn hạn chế, kết cấu hạ tầng yếu kém. Bên cạnh đó, những thách thức từ rủi ro nền kinh tế toàn cầu sẽ tác động lớn đến nền kinh tế Việt Nam như khủng hoảng kinh tế, đình trệ, khủng hoảng nguồn cung, lạm phát, chiến tranh thương mại, ảnh hưởng của các đại dịch.... Đặc biệt, xu hướng lãi suất thấp ở các nền kinh tế có ảnh hưởng rất lớn đến các DNBH nhân thọ.

Ba là, Cách mạng công nghiệp 4.0 đang diễn ra mạnh mẽ, có ảnh hưởng sâu rộng đến lĩnh vực tài chính nói riêng và lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm nói riêng. Việc ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại, cơ sở dữ liệu sẵn có để tăng khả năng tiếp cận, mở rộng và phục vụ khách hàng, phát triển sản phẩm và kiểm soát rủi ro. Tuy nhiên, ứng dụng công nghệ thông tin tạo nên thách thức về thay đổi cơ cấu của kênh phân phối, sản phẩm bảo hiểm, tạo rủi ro an toàn, an ninh thông tin khi nhiều hoạt động hơn trên môi trường số, cạnh tranh có thể gay tắt hơn và thách thức trong xây dựng quy định pháp luật và quản lý, giám sát.

Bốn là, với định hướng hội nhập tài chính càng sâu rộng, đặc biệt là việc triển khai Lộ trình hội nhập tài chính ASEAN giai đoạn 2016-2025 với mục tiêu tiếp tục mở cửa tự do hóa hơn nữa các lĩnh vực dịch vụ tài chính, sức ép cạnh tranh đối với các lĩnh vực dịch vụ tài chính, trong đó có bảo hiểm sẽ gia tăng trong thời gian tới. Trong bối cảnh các DNBH trong nước đa phần nhỏ cả về quy mô vốn và ít kinh nghiệm so với các doanh nghiệp nước ngoài và đang phải cạnh tranh gay gắt với các doanh nghiệp nước ngoài đã có hiện diện tại Việt Nam, việc mơ cửa cho phép các doanh nghiệp nước ngoài cung cấp dịch vụ thông qua cả 4 phương thức sẽ là thách thức không nhỏ đối với các doanh nghiệp trong nước. Bên cạnh đó, việc tiếp tục mở cửa hội nhập cũng sẽ làm gia tăng khả năng phát sinh các tranh chấp quốc tế trong thương mại dịch vụ, đặc biệt là giữa nhà đầu tư và Chính phủ.

**2. Tác động của Luật Kinh doanh bảo hiểm số 08/2022/QH15**

Ngày 16/6/2022, Quốc hội khóa XV đã thông qua Luật Kinh doanh bảo hiểm tại kỳ họp thứ ba (Luật số 08/2022/QH15) và có hiệu lực từ ngày 01/01/2023. Hệ thống pháp luật kinh doanh bảo hiểm đóng vai trò quan trọng trong việc trong việc định hướng, tạo khung khổ cho việc tổ chức và hoạt động thị trường bảo hiểm an toàn, hiệu quả, bền vững, cụ thể:

***- Cơ hội:*** Luật Kinh doanh bảo hiểm 08/2022/QH15 đã có những thay đổi cơ bản nhằm kiến tạo thị trường và tạo cơ hội cho thị trường bảo hiểm phát triển lành mạnh, chuyên nghiệp, cụ thể:

*Một là*, Luật Kinh doanh bảo hiểm sẽ tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước, phát huy tính chủ động, sáng tạo của doanh nghiệp bảo hiểm.

Môi trường pháp lý được cải thiện theo hướng thông thoáng hơn sẽ thu hút thêm các nhà đầu tư nước ngoài như các tập đoàn tài chính, bảo hiểm cũng như các nhà đầu tư trong nước có tiềm lực kinh tế lớn. Đây cũng là cơ sở để thị trường bảo hiểm tăng trưởng do nhiều doanh nghiệp tham gia hơn sẽ cung cấp nhiều sản phẩm đa dạng hơn, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm ngày càng tăng.

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ tăng cơ hội kinh doanh và doanh thu do được chủ động phát triển sản phẩm bảo hiểm mới. Đối với doanh nghiệp ứng dụng công nghệ sẽ tiết kiệm chi phí nhân sự, vận hành bộ máy bán hàng, tăng lợi ích kinh tế.

*Hai là*, việc chuyển đổi sang mô hình vốn trên cơ sở rủi ro góp phần nâng cao tính an toàn tài chính, an toàn hệ thống của thị trường bảo hiểm. Thị trường bảo hiểm sẽ minh bạch hơn do có các quy định rõ ràng về công khai thông tin.

*Ba là*, việc thay đổi phương thức quản lý giám sát từ can thiệp sau sang can thiệp sớm sẽ góp phần hạn chế số doanh nghiệp mất khả năng thanh toán.

*Bốn là*, việc hoàn thiện quy định về hợp đồng bảo hiểm theo hướng tăng tính minh bạch về sản phẩm (từ phía doanh nghiệp bảo hiểm) và đối tượng được bảo hiểm (từ phía bên mua bảo hiểm), nhằm giảm tranh chấp có thể phát sinh, tạo môi trường kinh doanh công bằng, minh bạch, an toàn.

***- Thách thức:***Việc áp dụng Luật Kinh doanh bảo hiểm cũng có thể tạo ra những thách thức sau:

*Một là,* số lượng các doanh nghiệp bảo hiểm ngày càng nhiều, đồng thời việc minh bạch hóa thông tin và yêu cầu cung cấp thông tin đa chiều của DNBH sẽ làm gia tăng áp lực cạnh tranh cho doanh nghiệp.

*Hai là,* để đáp ứng yêu cầu chuẩn hóa, DNBH phải đầu tư thiết lập bộ máy quản trị, điều hành, kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản trị rủi ro, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin, đào tạo và tuyển dụng nhân sự đáp ứng các yêu cầu về trình độ đối với các chức danh quản lý của doanh nghiệp.

*Ba là,* cơ quan quản lý bảo hiểm cũng phải cải thiện hệ thống quản lý, đào tạo nhân viên để đáp ứng ngày một tốt hơn các yêu cầu về mô hình quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro.

**3. Quan điểm, mục tiêu và định hướng phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030**

*a) Quan điểm và định hướng phát triển thị trường bảo hiểm*

- Phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm trên cơ sở quán triệt chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực bảo hiểm; xây dựng và phát triển thị trường bảo hiểm theo hướng hiện đại, tiếp cận với các tiêu chuẩn và thông lệ quốc tế tốt nhất, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm đa dạng của các tổ chức, cá nhân, bảo đảm an sinh xã hội, phù hợp với điều kiện thực tế, bền vững, hài hòa lợi ích của các bên tham gia bảo hiểm, bám sát Chiến lược tài chính đến năm 2030.

- Phát triển thị trường bảo hiểm theo hướng coi trọng phát triển cả về quy mô và chất lượng; tăng cường khả năng cạnh tranh của các định chế trung gian, tạo sự liên thông giữa hoạt động của bảo hiểm với thị trường tài chính để cân bằng giữa các cấu phần của thị trường tài chính.

- Đẩy mạnh công tác quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra của cơ quan quản lý. Nâng cao năng lực quản lý rủi ro thị trường, đảm bảo thị trường hoạt động an toàn, lành mạnh, bền vững, hiệu quả.

- Việc phát triển thị trường bảo hiểm được thực hiện một cách đồng bộ, toàn diện, có kế hoạch, lộ trình cụ thể, có bước đi thận trọng, chắc chắn, được công bố công khai, không làm xáo trộn hoạt động của thị trường bảo hiểm, đảm bảo quyền lợi và lợi ích hợp pháp của người tham gia bảo hiểm và sự an toàn của cả hệ thống; tiết giảm chi phí xã hội. Bảo đảm nguyên tắc thị trường, doanh nghiệp tự chịu trách nhiệm, cơ quan quản lý nhà nước thực hiện vai trò quản lý, giám sát, không làm thay doanh nghiệp.

*b) Mục tiêu phát triển thị trường bảo hiểm đến năm 2030*

- Mục tiêu tổng quát

+ Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách về kinh doanh bảo hiểm đầy đủ, minh bạch, bình đẳng và đồng bộ, tiếp cận các chuẩn mực, thông lệ quốc tế về kinh doanh bảo hiểm, tạo thuận lợi cho sự phát triển toàn diện thị trường bảo hiểm, bảo đảm thực hiện các nghĩa vụ cam kết quốc tế của Việt Nam.

+ Nâng cao tính an toàn hệ thống, bền vững và hiệu quả của thị trường; góp phần ổn định nền kinh tế và bảo đảm an sinh xã hội. Phát triển các doanh nghiệp bảo hiểm có năng lực tài chính vững mạnh, năng lực quản trị điều hành tiếp cận chuẩn mực quốc tế, hoạt động hiệu quả, có khả năng cạnh tranh tích cực trên thị trường trong nước và khu vực.

+ Đẩy mạnh chuyển đổi số nhằm tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân thuận tiện nhất trong việc tham gia bảo hiểm. Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm, chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối bảo hiểm, đáp ứng nhu cầu bảo hiểm ngày càng tăng của các tổ chức và cá nhân. Nâng cao quản trị rủi ro, an toàn, an ninh mạng và giao dịch trên không gian mạng.

+ Tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về kinh doanh bảo hiểm; đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Doanh thu ngành bảo hiểm tăng trưởng bình quân giai đoạn 2021-2025 là 15%/năm, đến năm 2025, quy mô đạt 3%-3,3% GDP; tăng trưởng bình quân giai đoạn 2026-2030 là 10%/năm, đến năm 2030 quy mô đạt 3,3% - 3,5% GDP.

+ Đến năm 2025 có 15% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ; đến năm 2030 có 18% dân số tham gia bảo hiểm nhân thọ.

+ Tốc độ tăng trưởng bình quân về tổng tài sản, tổng số tiền đầu tư, tổng dự phòng nghiệp vụ, tổng nguồn vốn chủ sở hữu tăng bình quân 15%/năm giai đoạn 2021-2025 và 10%/năm giai đoạn 2026-2030.

+ Tốc độ tăng trưởng doanh thu cung cấp sản phẩm bảo hiểm trên môi trường mạng đạt bình quân 10%/năm trong giai đoạn 2023-2030.

+ Phí bảo hiểm bình quân đầu người đạt 3 triệu đồng năm 2025, 5 triệu đồng năm 2030.

**4. Giải pháp thực hiện**

*a) Hoàn thiện hệ thống pháp luật kinh doanh bảo hiểm*

Xây dựng và ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Kinh doanh bảo hiểm bao gồm các vấn đề đã được giao trong Luật và các nội dung dưới đây:

- Hướng dẫn chi tiết về mô hình vốn trên cơ sở rủi ro, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ, các biện pháp can thiệp đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

- Xây dựng và ban hành quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm. Nghiên cứu xây dựng các quy định pháp luật cho phép doanh nghiệp bảo hiểm áp dụng các giải pháp định danh khách hàng qua các phương tiện điện tử.

- Xây dựng và ban hành quy định về quản lý cơ sở dữ liệu chung, đồng bộ các thông tin về thị trường bảo hiểm, có quy định chia sẻ và sử dụng chung dữ liệu.

- Rà soát và hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật về triển khai các sản phẩm bảo hiểm có tính đặc thù, sản phẩm bảo hiểm có tác động an sinh xã hội, thúc đẩy đầu tư và phát triển kinh tế xã hội như bảo hiểm bắt buộc, bảo hiểm vi mô, bảo hiểm nông nghiệp, bảo hiểm hưu trí tự nguyện, bảo hiểm liên kết đầu tư, bảo hiểm thiên tai, liên kết bảo hiểm y tế thương mại và bảo hiểm y tế xã hội,...

- Tiếp tục đơn giản hóa các thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi và cơ hội kinh doanh cho các doanh nghiệp bảo hiểm.

- Hướng dẫn chi tiết về các loại chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ phụ trợ bảo hiểm, đảm bảo chuẩn hóa, phù hợp với thông lệ quốc tế và thực tiễn của thị trường bảo hiểm Việt Nam.

*b) Tăng cường năng lực tài chính, quản lý rủi ro, quản trị doanh nghiệp và công khai minh bạch của doanh nghiệp bảo hiểm*

- Nâng cao năng lực về tài chính, tăng cường quản trị tài chính, từ đó nâng cao năng lực cạnh tranh nhằm đáp ứng yêu cầu của thị trường và quy định pháp luật mới về an toàn tài chính.

- Xây dựng đầy đủ hệ thống quản trị rủi ro tại doanh nghiệp bảo hiểm, kịp thời phát hiện được các rủi ro phát sinh từ hoạt động nghiệp vụ, hoạt động tài chính và quản trị doanh nghiệp nhằm đo lường rủi ro, đánh giá rủi ro, kiểm soát và loại bỏ rủi ro, giám sát và đánh giá lại rủi ro của từng hoạt động và các rủi ro liên quan đến các hoạt động này.

- Doanh nghiệp bảo hiểm tự đánh giá, xếp loại, chủ động có biện pháp kiểm soát, phòng ngừa, giảm thiểu rủi ro, hạn chế tổn thất, can thiệp và điều chỉnh kịp thời trong quá trình hoạt động nhằm ngăn chặn nguy cơ mất khả năng thanh toán, nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh.

- Cải thiện năng lực quản trị điều hành, quản trị rủi ro doanh nghiệp theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp.

- Tăng cường công khai thông tin đầy đủ, toàn diện, kịp thời nhằm giúp cho bên mua bảo hiểm và các tổ chức có liên quan hiểu rõ về cơ cấu tổ chức, tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệpnâng cao kỷ luật và minh bạch của thị trường.

- Thúc đẩy các doanh nghiệp đủ năng lực và có nhu cầu niêm yết trên thị trường chứng khoán; thúc đẩy các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm đủ điều kiện thực hiện xếp hạng tín nhiệm.

*c) Phát triển và đa dạng hóa sản phẩm bảo hiểm*

- Khuyến khích doanh nghiệp bảo hiểm phát triển đa dạng các dòng sản phẩm mới, lấy khách hàng làm trọng tâm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu đa dạng của các tổ chức, cá nhân trong nhiều hoạt động kinh tế và đời sống, cụ thể:

+ Đối với lĩnh vực bảo hiểm nhân thọ, khuyến khích nghiên cứu phát triển các sản phẩm bảo hiểm dành cho người già; các sản phẩm bảo hiểm tích hợp các dịch vụ hỗ trợ y tế, chăm sóc sức khỏe cho người tham gia bảo hiểm.

+ Đối với lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, đẩy mạnh phát triển các sản phẩm bảo hiểm nông nghiệp; các sản phẩm bảo hiểm rủi ro thảm họa, thiên tai, rủi ro mới phát sinh thông qua cơ chế quỹ rủi ro bảo hiểm; bảo hiểm xanh; sản phẩm bảo hiểm về an toàn, an ninh mạng và giao dịch trên không gian mạng; hợp tác, chia sẻ thông tin để xây dựng cơ sở phí bảo hiểm thuần, tránh hạ phí bảo hiểm ảnh hưởng đến an toàn tài chính và giảm thiểu rủi ro trục lợi bảo hiểm.

- Khuyến khích phát triển các sản phẩm có ý nghĩa cộng đồng và góp phần ổn định an sinh xã hội như bảo hiểm vi mô, bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm hưu trí tự nguyện,....

- Khuyến khích đổi mới phương thức phát triển, thiết kế sản phẩm bảo hiểm gắn liền với cách mạng công nghiệp ; các sản phẩm bảo hiểm được thiết kế theo hướng cá nhân hóa đặc tính, nhu cầu của khách hàng.

- Đẩy mạnh ứng dụng giao dịch điện tử, chữ ký điện tử, hợp đồng điện tử trong giao dịch bảo hiểm đảm bảo an toàn, bảo mật và tin cậy.

*d) Đa dạng và chuyên nghiệp hóa kênh phân phối bảo hiểm*

- Phát triển các kênh phân phối theo hướng chuyên nghiệp, theo kịp với sự phát triển của cách mạng công nghiệp, phục vụ tốt nhất bên mua bảo hiểm và tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận bảo hiểm một cách dễ dàng nhất.

- Chuyên nghiệp hóa các kênh phân phối thông qua việc ban hành quy định hoặc các quy tắc đạo đức hành nghề; xây dựng hệ thống đánh giá chất lượng hệ thống kênh phân phối.

- Chuẩn hóa hoạt động phân phối bảo hiểm qua đại lý tổ chức, đại lý ngân hàng thông qua việc chuẩn hóa tiêu chuẩn đại lý bảo hiểm, tiêu chí đánh giá hiệu quả hoạt động; nâng cao chất lượng đào tạo và thi đại lý bảo hiểm.

*đ) Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực*

- Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực tại lĩnh vực mới của thị trường được quy định tại Luật Kinh doanh bảo hiểm, như quản trị rủi ro, vốn trên cơ sở rủi ro, quản lý tài chính doanh nghiệp bảo hiểm, công nghệ thông tin,.. thông qua việc đào tạo, tuyển dụng, cơ chế chi trả,..

- Nâng cao chất lượng hoạt động đào tạo, bồi dưỡng và phổ biến kiến thức đối với thị trường bảo hiểm….

- Tinh gọn bộ máy, xã hội hóa hoạt động đào tạo; đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

- Tăng cường chất lượng công tác tổ chức thi cấp chứng chỉ bảo hiểm, chứng chỉ đại lý bảo hiểm, chứng chỉ môi giới bảo hiểm, chứng chỉ phụ trợ bảo hiểm, đóng góp xây dựng cơ chế chính sách; tăng cường hợp tác đào tạo với các tổ chức đào tạo quốc tế về bảo hiểm và các lĩnh vực chuyên môn khác nhằm phát triển kinh doanh bảo hiểm.

*e) Đẩy mạnh tuyên truyền về bảo hiểm*

- Đẩy mạnh việc tuyên truyền, phổ biến về vai trò, ý nghĩa, sự cần thiết của bảo hiểm cũng như pháp luật về kinh doanh bảo hiểm đối với các tổ chức, cá nhân. Nâng cao nhận thức của người dân về bảo hiểm và thị trường bảo hiểm.

- Phổ biến kịp thời các thay đổi về quy định pháp luật kinh doanh bảo hiểm; chính sách bảo hiểm của Nhà nước đối với người dân và các doanh nghiệp bảo hiểm, các tổ chức có liên quan.

- Đa dạng hóa các phương thức tuyên truyền, phố biến kiến thức về bảo hiểm như qua các trang thông tin điện tử, các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức sự kiện ngành bảo hiểm, hội chợ, các cuộc thi,...

- Xây dựng trang thông tin dành riêng cho khách hàng tham gia bảo hiểm trong đó giới thiệu chung về bảo hiểm, sản phẩm bảo hiểm, các quy trình tham gia bảo hiểm, yêu cầu bồi thường, cơ chế hòa giải, giải quyết tranh chấp nhằm tạo cho người dân một cơ chế tiếp cận thông tin chính thống, toàn diện, đầy đủ và thuận tiện.

*g) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong kinh doanh bảo hiểm, quản lý nhà nước hoạt động kinh doanh bảo hiểm*

- Khuyến khích thúc đẩy doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm có hệ thống công nghệ thông tin hiện đại, ứng dụng trong tất cả các khâu của kinh doanh bảo hiểm, có biện pháp bảo vệ thông tin, bảo mật thông tin khách hàng.

- Xây dựng khung thể chế thử nghiệm cho các dịch vụ công nghệ bảo hiểm theo thông lệ tốt nhất, tạo thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển các dịch vụ bảo hiểm số mới.

- Thiết lập cơ chế chia sẻ thông tin giữa doanh nghiệp bảo hiểm, Hiệp hội bảo hiểm, cơ quan quản lý nhằm phòng chống gian lận bảo hiểm, hỗ trợ và tư vấn pháp lý, giải quyết khiếu nại; cơ chế chia sẻ thông tin giữa cơ sở dữ liệu về kinh doanh bảo hiểm với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Triển khai dự án hệ thống cơ sở dữ liệu về kinh doanh bảo hiểm nhằm hệ thống hóa một cách đồng bộ, toàn diện toàn bộ dữ liệu ngành bảo hiểm, vừa phục vụ công tác quản lý giám sát, vừa xây dựng cơ sở tính toán phí bảo hiểm thuần, phương pháp định phí bảo hiểm, phương pháp trích lập dự phòng nghiệp vụ, kiểm soát rủi ro và trục lợi bảo hiểm, giảm thiểu cạnh tranh không lành mạnh đồng thời bắt kịp với xu hướng cách mạng công nghiệp.

- Thúc đẩy chuyển đổi số công tác quản lý và phát triển thị trường bảo hiểm, phát triển và sử dụng các nền tảng số để thúc đẩy phát triển và tối ưu hóa thị trường bảo hiểm. Ứng dụng các giải pháp công nghệ số, nền tảng số để giám sát, đo lường trực tuyến kết quả thực hiện các chỉ tiêu chí quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo hiểm đảm bảo minh bạch, chính xác, kịp thời.

*h) Tăng cường hiệu lực quản lý nhà nước và hiệu quả công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo hiểm*

- Chuyển đổi sang quản lý, giám sát trên cơ sở rủi ro trên cơ sở kiểm tra chỉ tiêu an toàn vốn, phân loại, đánh giá doanh nghiệp, cập nhật và hoàn thiện hệ thống giám sát và cảnh báo sớm.

- Xây dựng và ban hành sổ tay quản lý, giám sát bảo hiểm trên cơ sở rủi ro trong đó xây dựng hồ sơ doanh nghiệp và xếp loại doanh nghiệp dựa trên cơ sở rủi ro và các tiêu chí áp dụng các biện pháp can thiệp (nếu có); xây dựng và ban hành sổ tay kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp bảo hiểm.

- Cải thiện chỉ tiêu mức độ tuân thủ hoàn toàn các chuẩn mực quản lý, giám sát do Hiệp hội các nhà quản lý bảo hiểm quốc tế ban hành.

- Tăng cường vai trò và trách nhiệm của Bộ Tài chính trong quản lý, giám sát, thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm minh các trường hợp vi phạm pháp luật để răn đe, tăng tính tuân thủ của các doanh nghiệp.

- Tăng cường hợp tác, trao đổi thông tin và phối hợp với các cơ quan quản lý trong lĩnh vực khác có liên quan,... trong phát triển các sản phẩm bảo hiểm mới, phương thức kinh doanh mới và quản lý, giám sát, kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

- Đẩy mạnh hợp tác với các cơ quan quản lý nước ngoài trong quản lý, giám sát các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố đặc biệt trong việc quản lý, giám sát dịch vụ cung cấp bảo hiểm qua biên giới, hoạt động kinh doanh đa quốc gia của các doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm.

- Tăng cường minh bạch hóa hoạt động quản lý, giám sát của cơ quan quản lý với thị trường bảo hiểm, trong đó thúc đẩy việc công khai các hoạt động quản lý giám sát hàng năm của cơ quan quản lý tương tự như các cơ quan quản lý bảo hiểm khác trên thế giới.

*i) Tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội- nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm*

- Khuyến khích thành lập các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm; ban hành các bộ quy chuẩn chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp, thực thi các bộ quy chuẩn nhằm nâng cao chất lượng hành nghề và đạo đức nghề nghiệp của các tổ chức, cá nhân tham gia tổ chức xã hội- nghề nghiệp.

- Đẩy mạnh vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp trong tuyên truyền về bảo hiểm, tham gia hòa giải, giải quyết tranh chấp trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm.

- Tăng cường vai trò của các tổ chức xã hội - nghề nghiệp là đầu mối của toàn thị trường trong việc tổng hợp ý kiến, phản ánh và đề xuất của các thành viên hội nghề nghiệp về cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển thị trường bảo hiểm, cầu nối với các cơ quan có liên quan để thực thi chính sách hiệu quả.

- Phát huy vai trò tự quản của các tổ chức xã hội nghề nghiệp trong ngành bảo hiểm trong việc hỗ trợ cơ quan quản lý nhà nước trên các lĩnh vực pháp lý, thể chế, chính sách và đào tạo nguồn nhân lực, giám sát sự tuân thủ quy định pháp luật của các thành viên; phòng chống trục lợi bảo hiểm, rửa tiền, tài trợ khủng bố trong hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

*k) Đẩy mạnh hợp tác quốc tế và hội nhập trong lĩnh vực bảo hiểm*

- Xây dựng và thực hiện lộ trình hội nhập trong lĩnh vực kinh doanh bảo hiểm phù hợp với lộ trình hội nhập bảo hiểm của ASEAN và các cam kết quốc tế khác.

- Chủ động, tích cực tham gia Diễn đàn các cơ quan quản lý bảo hiểm Đông Nam Á và Hiệp hội nhà quản lý bảo hiểm quốc tế; tranh thủ tối đa sự hỗ trợ, hợp tác song phương giữa các cơ quan quản lý bảo hiểm thông qua chương trình hợp tác, biên bản ghi nhớ, đào tạo cán bộ, hội thảo nghiệp vụ.

- Triển khai thực hiện tốt, có hiệu quả các cam kết hội nhập kinh tế quốc tế trong lĩnh vực bảo hiểm, các chương trình hợp tác đang thực hiện với các tổ chức và đối tác quốc tế, đặc biệt là các dịch vụ bảo hiểm trong các Hiệp định thương mại mà Việt Nam đã ký kết.

- Khuyến khích các doanh nghiệp bảo hiểm tiếp tục nghiên cứu đầu tư ra nước ngoài để mở rộng cơ hội kinh doanh, trong đó tập trung vào các địa bàn có tiềm năng và thuận lợi trên nguyên tắc an toàn, hiệu quả.

**4. Tổ chức thực hiện**

- Bộ trưởng Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược này.

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tài chính thực hiện Chiến lược, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ phục vụ việc thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành và địa phương

1. Tương đương 2,9% GDP quy mô điều chỉnh [↑](#footnote-ref-1)